

**ỦY BAN BẦU CỬ
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /CV-UBBC
V/v tiếp tục triển khai các công
việc chuẩn bị tổ chức bầu cử

Thanh Hoá, ngày tháng 3 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban bầu cử các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và các quy định của Trung ương; Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và của Chủ tịch UBND tỉnh; Kế hoạch của Ủy ban bầu cử tỉnh; đến nay, các công việc chuẩn bị tổ chức bầu cử đều đã được các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện, hoàn thành theo quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai các công việc chuẩn bị tổ chức bầu cử theo luật định và kế hoạch đã đề ra; Ủy ban bầu cử tỉnh đề nghị Ủy ban bầu cử các huyện, thị xã, thành phố, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm trước mắt, cụ thể như sau:

1. Xác định khu vực bỏ phiếu, thành lập Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu

a) Việc xác định khu vực bỏ phiếu do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê chuẩn và lưu ý một số nội dung sau:

- Mỗi khu vực bỏ phiếu có từ ba trăm đến bốn nghìn cử tri. Ở miền núi, vùng cao, hải đảo và **những nơi dân cư không tập trung** thì dù chưa có đủ ba trăm cử tri cũng được thành lập một khu vực bỏ phiếu;

- Khu vực bỏ phiếu là giới hạn phạm vi nhỏ nhất được chia từ đơn vị bầu cử; vì vậy khu vực bỏ phiếu luôn có phạm vi nhỏ hơn hoặc bằng phạm vi đơn vị bầu cử (đối với cấp xã). Phạm vi khu vực bỏ phiếu có thể theo thôn, tổ dân phố hiện nay hoặc trước đây, trường hợp đặc biệt có thể chia thôn, tổ dân phố thành các khu vực bỏ phiếu nhưng phải chia theo phạm vi của các khu dân cư (xóm, tổ), được phân chia bởi các yếu tố địa vật, địa hình dễ nhận biết ngoài thực địa (đường giao thông, sông, suối...). Đồng thời, việc xác định khu vực bỏ phiếu cần tính toán đến khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất phục vụ bầu cử (phòng bỏ phiếu), nhân sự tham gia các tổ bầu cử.

- Văn bản xác định khu vực bỏ phiếu của UBND cấp xã, cấp huyện phải thể hiện tối thiểu 02 nội dung, gồm: (1) Tên khu vực bỏ phiếu (đánh theo số tự nhiên từ 1 cho đến hết trong phạm vi một xã, phường, thị trấn); (2) Phạm vi của khu vực bỏ phiếu (tên thôn, tổ dân phố, khu dân cư, cơ quan công an, quân đội...).

- Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân không quy định thời gian hoàn thành việc xác định khu vực bỏ phiếu, tuy nhiên quy định thời gian chậm nhất thành lập tổ bầu cử; vì vậy, việc xác định khu vực bỏ phiếu phải hoàn thành xong trước khi thành lập tổ bầu cử; **đề nghị các địa phương chỉ đạo hoàn thành chậm nhất ngày 26/3/2021.**

b) Thành lập Tổ bầu cử ở khu vực bỏ phiếu: Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban thường trực Ủy ban Mặt

trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp quyết định thành lập ở mỗi khu vực bỏ phiếu một Tổ bầu cử để thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tổ bầu cử có từ 11-21 thành viên, gồm Tổ trưởng, Thư ký và các Ủy viên, gồm đại diện cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đại diện cử tri ở địa phương. Tổ bầu cử ở đơn vị vũ trang **do thủ trưởng, chỉ huy đơn vị thành lập** có từ 05-09 thành viên

- Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử mà mình ứng cử.

- Thời gian thành lập Tổ bầu cử hoàn thành **chậm nhất ngày 03/4/2021**.

2. Lập và niêm yết danh sách cử tri và thẻ cử tri

- Danh sách cử tri do Ủy ban nhân dân cấp xã lập theo khu vực bỏ phiếu theo Mẫu số 33/HĐBC ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia. Danh sách cử tri trong đơn vị vũ trang nhân dân do chỉ huy đơn vị lập theo đơn vị vũ trang nhân dân để đưa vào Danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu nơi đơn vị đóng quân.

- Công tác lập và niêm yết Danh sách cử tri **phải được hoàn thành chậm nhất vào ngày 13/4/2021** theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Danh sách cử tri được lập **bằng phương thức đánh máy thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh (không thực hiện viết tay)**

- Kích thước của các tờ Danh sách cử tri bằng **một trang giấy A0** (84,1 x 118,9 cm) **theo chiều dọc khổ giấy**. Trường hợp đối với khu vực miền núi, vùng cao, biên giới không có điều kiện in khổ giấy A0 thì kích thước các tờ Danh sách cử tri bằng **một trang giấy A3** (29,7cm x 42cm) **theo chiều ngang khổ giấy**.

- Thẻ cử tri lập theo Mẫu số 11/HĐBC ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐBCQG ngày 18/01/2021 của Hội đồng bầu cử quốc gia, bằng phương thức **đánh máy** hoặc **viết tay**. Thẻ cử tri có thể lập đồng thời với lập Danh sách cử tri hoặc sau khi hoàn thành lập Danh sách cử tri.

Trên đây là một số nhiệm vụ trọng tâm trước mắt, Ủy ban bầu cử tỉnh đề nghị Ủy ban bầu cử các huyện, thị xã, thành phố triển khai, tổ chức thực hiện (có hướng dẫn chi tiết về thể thức, kiểu chữ, cỡ chữ... và file .xls Danh sách cử tri kích thước khổ giấy A0, A3 gửi kèm theo)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh (để báo cáo);
- Lưu VT, XDCQ&CTTN.

**TM. ỦY BAN BẦU CỬ
ỦY VIÊN KIÊM THƯ KÝ**

Trần Quốc Huy

HƯỚNG DẪN

Lập danh sách cử tri bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026

(Kèm theo Văn bản số /CV-UBBC ngày tháng 3 năm 2021 của Ủy ban bầu cử tỉnh Thanh Hóa)

I. HƯỚNG DẪN GHI DANH SÁCH CỬ TRI

(*) Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì ghi Ủy ban nhân dân huyện và tên huyện.

(**) Ghi số thứ tự của khu vực bỏ phiếu.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cử tri ở địa phương về việc lập danh sách cử tri theo từng khu vực bỏ phiếu. Các cử tri đang đăng ký thường trú tại địa bàn được ghi tên vào danh sách cử tri tại nơi mình thường trú; trường hợp cử tri có nguyện vọng bỏ phiếu ở nơi khác thì cần thông báo lại để Ủy ban nhân dân cấp xã không ghi tên vào danh sách cử tri ở địa phương. Trong quá trình lập danh sách cử tri, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ ghi vào danh sách những cử tri đang đăng ký tạm trú ở địa phương mình nếu cử tri đó thể hiện rõ nguyện vọng được tham gia bỏ phiếu tại nơi mình tạm trú (có thể bằng văn bản hoặc trực tiếp bằng lời nói với người có trách nhiệm, ví dụ như trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc cán bộ phụ trách công tác lập danh sách cử tri của Ủy ban nhân dân cấp xã...).

Việc điền thông tin ở các nội dung trong bảng danh sách được thực hiện như sau:

- Cột (1) ghi họ và tên cử tri xếp theo hộ gia đình hoặc theo tổ chức, đơn vị nơi cử tri đăng ký tham gia bỏ phiếu (ví dụ bệnh viện, nhà an dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, đơn vị vũ trang nhân dân,...). Trường hợp danh sách lập theo hộ gia đình thì tên chủ hộ xếp lên đầu; các hộ xếp theo thứ tự từ đầu xóm đến cuối xóm (ở nông thôn), từ đầu phố đến cuối phố (ở thành thị) hoặc theo một thứ tự thích hợp với đặc điểm của địa phương.

- Cột (2) cần ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh. Đối với cử tri sinh từ năm 2002 trở về trước, nếu không xác định được chính xác ngày sinh, tháng sinh thì chỉ cần ghi năm sinh.

- Các cột (3), (4) đánh dấu (X) theo giới tính của cử tri.

- Cột (5) ghi rõ: Kinh, Tày, Nùng,...

- Cột (6) ghi rõ: cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, lực lượng vũ trang, công nhân, nông dân, nội trợ, hưu trí...

- Cột (7a), (7b) chỉ ghi địa chỉ nơi thường trú hoặc nơi tạm trú của cử tri vào cột tương ứng tùy theo nơi cử tri có nguyện vọng đăng ký tham gia bỏ phiếu.

+ Trường hợp cử tri đăng ký bỏ phiếu ở nơi tạm trú thì ghi chú vào cột (12) thời gian bắt đầu đăng ký tạm trú.

+ Trường hợp cử tri là quân nhân đăng ký bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì ghi tên đơn vị hành chính cấp xã nơi đơn vị đóng quân.

+ Trường hợp cử tri là đối tượng quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND, cử tri đăng ký bỏ phiếu theo tổ chức, đơn vị (bệnh viện, nhà an dưỡng, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, cơ sở cách ly phòng chống dịch bệnh...) thì ghi tên và địa chỉ của tổ chức, đơn vị nơi tổ chức đăng ký lập danh sách cử tri.

- Các cột (8), (9), (10), (11) thực hiện đánh dấu như sau:

+ Cử tri đăng ký bỏ phiếu ở nơi thường trú hoặc nơi tạm trú có thời gian đăng ký tạm trú từ 12 tháng trở lên tính đến ngày bầu cử thì đánh dấu (X) vào cả 4 cột (8), (9), (10), (11).

+ Cử tri đăng ký bỏ phiếu tại nơi tạm trú mà thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng tính đến ngày bầu cử, cử tri là quân nhân (lực lượng vũ trang) bỏ phiếu tại đơn vị vũ trang nhân dân thì đánh dấu (X) vào cột (8), (9), (10).

+ Các cử tri còn lại đánh dấu (X) vào cột (8) và (9).

+ Đánh dấu (0) vào các ô còn lại.

- Cột (12) ghi chú cụ thể về các nội dung sau đây:

+ Đối với cử tri là người tạm trú đăng ký bỏ phiếu tại địa phương thì ghi thời gian bắt đầu đăng ký tạm trú tại địa phương (bắt đầu tạm trú từ năm 2019 trở về trước thì chỉ cần ghi năm; từ năm 2020 đến nay thì ghi rõ tháng và năm) để làm cơ sở xác định số cấp Hội đồng nhân dân mà cử tri được tham gia bầu cử.

+ Cử tri thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 29 của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND thì ghi “Người đang bị tạm giam”, “Người đang bị tạm giữ” “Người đang chấp hành biện pháp...”.

+ Cử tri đã được cấp Giấy chứng nhận để đi bỏ phiếu ở nơi khác thì ghi “Bỏ phiếu ở nơi khác”; cử tri là quân nhân đã xin cấp giấy chứng nhận để tham gia bỏ phiếu ở nơi cư trú thì ghi “Bỏ phiếu ở nơi cư trú”.

+ Cử tri được bổ sung vào danh sách cử tri theo quy định tại Điều 34 của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND thì ghi “Cử tri không cư trú ở địa phương”.

+ Việc xóa tên trong danh sách cử tri theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 30 của Luật Bầu cử ĐBQH và đại biểu HĐND

(***) Đối với huyện không có đơn vị hành chính xã, thị trấn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký tên và đóng dấu. Trường hợp Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký thay Chủ tịch thì trình bày như sau:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

II. THẺ THỨC TRÌNH BÀY DANH SÁCH CỬ TRI

1. Kích thước của các tờ **Danh sách cử tri bằng một trang giấy A0 (84,1 x 118,9 cm) theo chiều dọc khổ giấy**. Trường hợp khu vực miền núi, vùng cao, biên giới không có điều kiện in khổ giấy A0 thì kích thước các tờ Danh sách cử tri bằng một **trang giấy A3 (29,7cm x 42cm) theo chiều ngang khổ giấy**.

2. Phong chữ trình bày là phong chữ Times New Roman, màu đen; mẫu chữ, kiểu chữ và cỡ chữ trình bày như sau:

TT	Nội dung trình bày	Cỡ chữ		Loại chữ	Kiểu chữ
		Khổ A0	Khổ A3		
1	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	38	18	In hoa	Đứng, đậm
2	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	38	18	In thường	Đứng, đậm
3	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN	38	18	In hoa	Đứng, đậm
4, ngày tháng năm 2021	38	18	In thường	Nghiêng
5	Khu vực bỏ phiếu số thuộc xã/phường/thị trấn, huyện/thị xã/thành phố tỉnh/thành phố	38	18	In thường	Đứng
6	DANH SÁCH CỬ TRI	63	30	In hoa	Đứng, đậm
7	BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026	42	20	In hoa	Đứng, đậm
8	Các nội dung thông tin về cử tri từ cột số (1) đến cột (12)	22	14	In thường	Đứng
9	Tổng số cử tri của khu vực bỏ phiếu là: ... người; trong đó có: ... nam; ... nữ; Cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân ... người; Danh sách này được lập tại ...	32	18	In thường	Đứng
10	TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH	32	18	In hoa	Đứng, đậm